ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 105 /2014/QĐ-UBND	*Phan Rang- Tháp Chàm, ngày 29 tháng 12 năm 2014*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy định quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ của tỉnh Ninh Thuận có sử dụng ngân sách nhà nước

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 07/2014/TT-BKHCN ngày 26 tháng 5 năm 2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 10/2014/TT-BKHCN ngày 30 tháng 05 năm 2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ về tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BKHCN ngày 10 tháng 4 năm 2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Mẫu hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 09/2014/TT-BKHCN ngày 27 tháng 5 năm 2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 11/2014/TT-BKHCN ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 905/TTr-SKHCN ngày 19 tháng 10 năm 2014 và Báo cáo thẩm định số 2045/BC-STP ngày 17 tháng 12 năm 2014 của Sở Tư pháp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ của tỉnh Ninh Thuận có sử dụng ngân sách nhà nước, gồm: 08 Chương, 32 Điều.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 (mười) ngày kể từ ngày ký ban hành và bãi bỏ các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh: Số 192/2008/QĐ-UBND ngày 01/8/2008 về việc ban hành Quy định xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ tỉnh Ninh Thuận; số 260/2008/QĐ-UBND ngày 25/9/2008 về việc ban hành Quy định tuyển chọn, xét chọn tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; số 1028/2010/QĐ-UBND ngày 28/6/2010 về việc ban hành Quy định đánh giá nghiệm thu đề tài, dự án khoa học và công nghệ tỉnh Ninh Thuận; số 711/QĐ-UBND ngày 11/4/2012 về việc ủy quyền thực hiện một số nhiệm vụ trên lĩnh vực khoa học và công nghệ.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 2;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Cục Kiểm tra VBQPPL-Bộ Tư pháp;
- Thường trực:Tỉnh uỷ, HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- HĐND các huyện, thành phố;
- VPUB: PVP (L.T.Dũng), NC;
- Cổng Thông tin điện tử Ninh Thuận;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, KTN. QMT

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Bùi Nhật Quang

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN

QUY ĐỊNH
Quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ của tỉnh Ninh Thuận có sử dụng ngân sách nhà nước

(kèm theo Quyết định số 105./2014/QĐ-UBND ngày 29/12/2014 của UBND tỉnh)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Các hoạt động quản lý và triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ của tỉnh Ninh Thuận có sử dụng ngân sách nhà nước bao gồm: xác định; tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện; thẩm định nội dung và tài chính; phê duyệt; ký kết hợp đồng; phối hợp quản lý; đánh giá, nghiệm thu; đăng ký, lưu giữ công nhận kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ dưới các hình thức đề tài khoa học và công nghệ, dự án sản xuất thử nghiệm, đề án khoa học, dự án khoa học và công nghệ, chương trình khoa học và công nghệ.

2. Quy định này áp dụng đối với các tổ chức khoa học và công nghệ, cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ, cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ của tỉnh Ninh Thuận có sử dụng ngân sách nhà nước.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. *Đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ* (sau đây gọi tắt là *đề xuất đặt hàng*) là các yêu cầu đặt ra cho khoa học và công nghệ dưới dạng nhiệm vụ khoa học và công nghệ nhằm thực hiện yêu cầu của lãnh đạo tỉnh hoặc đáp ứng nhu cầu thực tiễn của công tác quản lý, phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và phát triển khoa học và công nghệ do các ngành, địa phương ở tỉnh Ninh Thuận đề xuất với Sở Khoa học và Công nghệ để đặt hàng các tổ chức và cá nhân thực hiện.

2. *Nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt hàng gồm:*

a) *Đề tài khoa học và công nghệ* là nhiệm vụ khoa học và công nghệ có nội dung chủ yếu là hoạt động khám phá, phát hiện, tìm hiểu bản chất, quy luật của sự vật, hiện tượng tự nhiên, xã hội và tư duy; sáng tạo giải pháp nhằm ứng dụng vào thực tiễn, bao gồm: Đề tài nghiên cứu cơ bản, đề tài nghiên cứu ứng dụng, đề tài triển khai thực nghiệm hoặc kết hợp nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng và triển khai thực nghiệm.

b) *Đề án khoa học* là nhiệm vụ khoa học và công nghệ nhằm mục tiêu xác định cơ sở lý luận và thực tiễn phục vụ việc xây dựng cơ chế, chính sách, pháp luật.

c) *Dự án sản xuất thử nghiệm* là nhiệm vụ khoa học và công nghệ nhằm ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và triển khai thực nghiệm để thử nghiệm các giải pháp, phương pháp, mô hình quản lý kinh tế - xã hội hoặc sản xuất thử ở quy mô nhỏ nhằm hoàn thiện công nghệ mới, sản phẩm mới trước khi đưa vào sản xuất và đời sống.

d) *Dự án khoa học và công nghệ* là nhiệm vụ khoa học và công nghệ giải quyết các vấn đề khoa học và công nghệ chủ yếu phục vụ việc sản xuất một sản phẩm hoặc nhóm sản phẩm trọng điểm, chủ lực có tác động nâng cao trình độ công nghệ của một ngành, một lĩnh vực và có ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, được triển khai dưới hình thức đề tài khoa học và công nghệ, dự án sản xuất thử nghiệm và dự án đầu tư khoa học và công nghệ có mục tiêu, nội dung gắn kết hữu cơ, đồng bộ và được tiến hành trong một thời gian nhất định.

đ) *Chương trình khoa học và công nghệ* là nhiệm vụ khoa học và công nghệ có mục tiêu chung giải quyết các vấn đề khoa học và công nghệ phục vụ phát triển và ứng dụng khoa học và công nghệ trung hạn hoặc dài hạn được triển khai dưới hình thức tập hợp các đề tài khoa học và công nghệ, dự án sản xuất thử nghiệm, dự án khoa học và công nghệ.

3. *Tuyển chọn* là việc lựa chọn tổ chức, cá nhân có năng lực và kinh nghiệm tốt nhất để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo đặt hàng của cơ quan có thẩm quyền thông qua việc xem xét, đánh giá các hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn.

4. *Giao trực tiếp* là việc chỉ định tổ chức, cá nhân có đủ năng lực, điều kiện và chuyên môn phù hợp để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo đặt hàng của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 3. Hội đồng tư vấn

1. Giao Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ thành lập: Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ; Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ; Hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ của tỉnh.

2. Hội đồng tư vấn có ít nhất 09 thành viên, là các chuyên gia khoa học và công nghệ hoặc cán bộ quản lý có kinh nghiệm thực tiễn trong lĩnh vực nghiên cứu. Cơ cấu hội đồng gồm: Chủ tịch, Phó Chủ tịch hội đồng, ít nhất 02 Phản biện, Thư ký khoa học và các thành viên của hội đồng tư vấn.

Cá nhân đăng ký chủ nhiệm hoặc tham gia thực hiện, cá nhân thuộc tổ chức đăng ký chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ nào thì không được là thành viên của hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp, đánh giá, nghiệm thu đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ đó.

3. Phiên họp của hội đồng phải có mặt ít nhất 2/3 số thành viên của hội đồng, trong đó phải có Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch được Chủ tịch hội đồng ủy quyền, các chuyên gia phản biện, thư ký khoa học. Mỗi phiên họp Hội đồng tư vấn có 02 thư ký hành chính giúp việc do Sở Khoa học và Công nghệ bố trí.

Thành viên hội đồng chịu trách nhiệm cá nhân về ý kiến của mình và chịu trách nhiệm tập thể về ý kiến kết luận của hội đồng.

4. Hội đồng tư vấn có trách nhiệm nhận xét, đánh giá đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ để làm cơ sở cho cơ quan có thẩm quyền quyết định về việc xác định, tuyển chọn, giao trực tiếp, đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ của tỉnh.

Điều 4. Tổ thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ thừa ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh để thành lập các Tổ thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

2. Tổ thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (sau đây gọi là Tổ thẩm định) có ít nhất 05 thành viên, trong đó: Tổ trưởng Tổ thẩm định là lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ, Tổ phó Tổ thẩm định là lãnh đạo Sở Tài chính, các thành viên còn lại gồm: Đại diện của Hội đồng tư vấn, chuyên gia tài chính, đại diện bộ phận tham mưu quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc Sở Khoa học và Công nghệ.

3. Phiên họp của Tổ thẩm định phải có mặt ít nhất 4/5 số thành viên, trong đó phải có Tổ trưởng hoặc Tổ phó (được ủy quyền trong trường hợp Tổ trưởng vắng mặt) chủ trì phiên họp, đại diện Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Mỗi phiên họp Tổ thẩm định có 02 thư ký hành chính giúp việc do Sở Khoa học và Công nghệ bố trí.

4. Tổ thẩm định có trách nhiệm thẩm định sự phù hợp của các nội dung nghiên cứu với kết luận của hội đồng, dự toán kinh phí của nhiệm vụ khoa học và công nghệ và kiến nghị cơ quan có thẩm quyền phê duyệt tổng mức kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại Điều 16 của quy định này. Các thành viên Tổ thẩm định chịu trách nhiệm cá nhân về kết quả thẩm định của mình và trách nhiệm tập thể về kết luận chung của Tổ thẩm định.

Điều 5. Tổ chuyên gia tư vấn đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Tổ chuyên gia tư vấn đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (sau đây gọi là Tổ chuyên gia), được thành lập trong trường hợp nhiệm vụ có sản phẩm đo kiểm được. Giao Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ thành lập Tổ chuyên gia.

2. Tổ chuyên gia có ít nhất 03 thành viên, là các thành viên của Hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu do Chủ tịch hoặc Phó chủ tịch Hội đồng làm Tổ trưởng.

3. Tổ chuyên gia có trách nhiệm kiểm tra, thẩm định độ tin cậy, nhận định tính xác thực các sản phẩm của nhiệm vụ. Mỗi phiên họp Tổ chuyên gia có 01 thư ký hành chính giúp việc do Sở Khoa học và Công nghệ bố trí.

Điều 6. Các chế độ, quyền lợi của các thành viên Hội đồng tư vấn, Tổ thẩm định, Tổ chuyên gia

Thành viên Hội đồng tư vấn, Tổ thẩm định, Tổ chuyên gia được hưởng các chế độ, quyền lợi theo quy định và được ngân sách nhà nước cấp kinh phí đi lại, ăn ở và các chi phí khác để thực hiện các nhiệm vụ của Hội đồng tư vấn, Tổ thẩm định, Tổ chuyên gia theo quy định hiện hành về định mức công tác phí.

Chương II
XÁC ĐỊNH NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 7. Căn cứ để xây dựng đề xuất đặt hàng

1. Các yêu cầu của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

2. Đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

3. Chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Ninh Thuận; chiến lược hoặc quy hoạch phát triển khoa học và công nghệ và phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ khoa học và công nghệ giai đoạn 5 năm hoặc 10 năm của tỉnh Ninh Thuận.

4. Những vấn đề khoa học và công nghệ nhằm giải quyết nhu cầu thực tiễn về công tác quản lý, phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Ninh Thuận như: Nhu cầu của các cơ quan quản lý nhà nước, các hội, đoàn thể tại địa phương nhằm giải quyết những vấn đề từ thực tiễn công tác chỉ đạo, quản lý của tỉnh; nhu cầu phát triển sản xuất - kinh doanh của các đơn vị sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh; các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội trong các quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, địa phương; các đề nghị, yêu cầu của người dân tại các hội nghị, hội thảo, tiếp xúc cử tri và các nguồn khác.

Điều 8. Tổ chức xây dựng đề xuất đặt hàng

1. Định kỳ hoặc theo tính cấp thiết, các Sở, ngành và huyện, thành phố thuộc tỉnh thông báo định hướng phát triển khoa học và công nghệ ưu tiên của ngành, địa phương mình để các cơ quan, tổ chức, cá nhân gửi đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo biểu mẫu *BM-02-01-01* trong Phụ lục kèm theo Quy định này.

2. Các Sở, ngành và huyện, thành phố thuộc tỉnh: Tổng hợp các đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ của các cơ quan, tổ chức, cá nhân và tự đề xuất những vấn đề khoa học và công nghệ của ngành, địa phương mình; căn cứ quy định tại các Khoản 1, 3 và 4, Điều 7 Quy định này để xem xét, lựa chọn xây dựng đề xuất đặt hàng.

Sở Khoa học và Công nghệ chủ động tổng hợp những vấn đề khoa học và công nghệ cần giải quyết theo các căn cứ quy định tại Khoản 1, 3 và 4, Điều 7 Quy định này và các đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ được gửi trực tiếp về Sở để xem xét, lựa chọn xây dựng đề xuất đặt hàng.

3. Các Sở, ngành và huyện, thành phố thuộc tỉnh tự xây dựng đề xuất đặt hàng hoặc có thể mời chuyên gia, nhóm chuyên gia, tổ chức, cơ quan dự kiến hưởng thụ

kết quả nghiên cứu tham gia xây dựng đề xuất đặt hàng theo biểu mẫu *BM-02-01-02* trong Phụ lục kèm theo Quy định này.

Lãnh đạo Sở, ngành và huyện, thành phố thuộc tỉnh ký duyệt đề xuất đặt hàng và gửi đề xuất đặt hàng về Sở Khoa học và Công nghệ.

4. Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp đề xuất đặt hàng và xem xét, đánh giá sơ bộ về tính đầy đủ, hợp lệ của đề xuất đặt hàng. Đối với đề xuất đặt hàng được đánh giá đạt yêu cầu, Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức lấy ý kiến tư vấn để xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh hoặc đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia.

Điều 9. Tiêu chí xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Các *đề xuất đặt hàng* phải đáp ứng những yêu cầu dưới đây mới đủ điều kiện để được xem xét xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ:

a) Vấn đề khoa học mới đối với tỉnh, không trùng lắp với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ khác đã và đang thực hiện.

b) Vấn đề cần giải quyết phải có xuất xứ từ nhu cầu cụ thể của thị trường và xã hội.

c) Có triển vọng lớn tạo sự chuyển biến về năng suất, chất lượng, hiệu quả, tác động tích cực đến sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Riêng đối với các *đề xuất đặt hàng* trong lĩnh vực nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ còn phải đảm bảo điều kiện: Có các sản phẩm dự kiến là các hình mẫu với các tham số khả thi về mặt kỹ thuật hoặc các hình mẫu đảm bảo tính ổn định ở quy mô sản xuất, áp dụng bán đại trà.

d) Có sự cam kết về việc tổ chức ứng dụng kết quả nghiên cứu của ít nhất một đơn vị, doanh nghiệp có năng lực, điều kiện, chuyên môn phù hợp và có trách nhiệm hoặc quyền lợi gắn liền với kết quả nghiên cứu.

đ) Nhu cầu kinh phí thực hiện trong khả năng của tỉnh hoặc có thể kết hợp các nguồn tài chính khác để thực hiện; có khả năng huy động nhân lực, cơ sở vật chất kỹ thuật để giải quyết vấn đề đặt hàng.

2. Các *đề xuất đặt hàng* đáp ứng những yêu cầu tại Khoản 1 của Điều này sẽ được xem xét mức độ ưu tiên triển khai thực hiện theo mức độ bức thiết cao hơn trong giải quyết vấn đề kinh tế - xã hội của tỉnh.

Điều 10. Tổ chức xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Căn cứ theo thời điểm đề xuất, số lượng, lĩnh vực của các đề xuất đặt hàng đạt yêu cầu và các điều kiện để tổ chức các phiên họp theo quy định, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định:

a) Thành lập các Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ theo chuyên ngành khoa học và công nghệ phù hợp với lĩnh vực của đề xuất đặt hàng. Hội đồng có thể tư vấn cho một hoặc một số *đề xuất đặt hàng* trong cùng lĩnh vực hoặc chuyên ngành khoa học và công nghệ.

b) Thời gian, địa điểm tổ chức, số lượng các phiên họp trong năm của các Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

2. Hội đồng tiến hành:

a) Xem xét lựa chọn các nhiệm vụ khoa học và công nghệ để đề xuất đặt hàng cấp quốc gia và góp ý hoàn thiện các đề xuất đặt hàng theo quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ.

b) Thảo luận với Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ về khả năng cân đối nguồn kinh phí từ ngân sách cho các nhiệm vụ khoa học và công nghệ để thống nhất về số lượng nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt hàng tối đa mà Hội đồng có thể đề nghị triển khai thực hiện.

c) Nhận xét, đánh giá đối với các đề xuất đặt hàng do cấp tỉnh phê duyệt theo các Tiêu chí xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại Điều 9 của Quy định này và bỏ phiếu đánh giá để xác định *đề xuất đặt hàng* được đề nghị thực hiện theo các biểu mẫu *BM-02-01-03, BM-02-01-04* trong Phụ lục kèm theo Quy định này.

d) Hội đồng phân công tổ chức kiểm phiếu đánh giá đề xuất đặt hàng theo Biểu mẫu *BM-02-01-05* trong Phụ lục kèm theo Quy định này.

3. *Đề xuất đặt hàng* đủ điều kiện đề nghị "thực hiện" khi tất cả các nội dung trong phần I của *Phiếu đánh giá (BM-02-01-04)* được từ ¾ số thành viên Hội đồng hiện diện trở lên đánh giá "đạt yêu cầu" và đề nghị thực hiện.

4. Số lượng *Đề xuất đặt hàng* được đề nghị "thực hiện" không vượt quá số lượng nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt hàng tối đa mà Hội đồng có thể đề nghị triển khai thực hiện nêu tại Điểm b, Khoản 2 của Điều này. Các *Đề xuất đặt hàng* được xếp thứ tự mức độ ưu tiên "thực hiện" căn cứ vào tiêu chí về tính bức thiết tại phần II của *Phiếu đánh giá (BM-02-01-04)*, tương ứng với các mức độ ưu tiên sau:

a) Mức độ ưu tiên cao khi có từ ¾ số thành viên Hội đồng hiện diện trở lên đánh giá *Cao.*

b) Mức độ ưu tiên Trung bình khi có từ ¾ số thành viên Hội đồng hiện diện trở lên đánh giá từ loại *Trung bình* trở lên nhưng chưa đủ để đánh giá Cao.

c) Mức độ ưu tiên thấp trong các trường hợp còn lại.

5. Đối với *đề xuất đặt hàng được* đề nghị "thực hiện":

a) Các chuyên gia phản biện chỉnh sửa hoặc xây dựng bổ sung các nội dung mới đối với các mục nội dung dự kiến của nhiệm vụ khoa học công nghệ đặt hàng, gồm: *Tên nhiệm vụ, Định hướng mục tiêu* và *Yêu cầu đối với kết quả*. Tùy theo từng loại hình nhiệm vụ khoa học và công nghệ, Hội đồng sẽ xem xét, quyết định nội dung *Yêu cầu đối với kết quả* cần hoặc không bao gồm các thông số kỹ thuật, yêu cầu về số lượng, chất lượng hoặc chỉ tiêu định lượng, định tính cụ thể của sản phẩm tạo ra.

b) Hội đồng thảo luận thống nhất nội dung chỉnh sửa, bổ sung và hoàn thiện các mục của nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt hàng, kiến nghị về phương thức

thực hiện (tuyển chọn hoặc giao trực tiếp) theo biểu mẫu *BM-02-01-06* trong Phụ lục kèm theo Quy định này.

6. Kết quả làm việc của Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ được lập thành biên bản.

Điều 11. Phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt hàng của tỉnh và đề xuất đặt hàng cấp quốc gia

1. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ khi có kết quả làm việc của Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ, Sở Khoa học và Công nghệ rà soát trình tự, thủ tục làm việc của hội đồng, xem xét các ý kiến tư vấn của hội đồng đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt hàng theo các yêu cầu quy định và lấy ý kiến tư vấn của chuyên gia tư vấn độc lập (nếu cần thiết).

2. Trên cơ sở kết quả của việc rà soát và ý kiến tư vấn quy định tại Khoản 1 Điều này, Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp hồ sơ và kết quả trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt hàng của tỉnh.

3. Đối với các đề xuất đặt hàng cấp quốc gia thực hiện theo trình tự thủ tục do Bộ Khoa học và Công nghệ quy định.

Chương III
TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP, THẨM ĐỊNH KINH PHÍ NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 12. Điều kiện tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Các tổ chức khoa học và công nghệ có đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ, có chức năng hoạt động phù hợp với lĩnh vực chuyên môn của nhiệm vụ khoa học và công nghệ có quyền tham gia đăng ký tuyển chọn hoặc được giao trực tiếp chủ trì thực hiện, trừ một trong các trường hợp sau đây:

a) Đến thời điểm nộp hồ sơ chưa hoàn trả đầy đủ kinh phí thu hồi theo hợp đồng thực hiện các dự án trước đây.

b) Nộp hồ sơ đánh giá nghiệm thu các nhiệm vụ khoa học và công nghệ khác do tỉnh quản lý chậm so với thời hạn kết thúc hợp đồng nghiên cứu trên 30 ngày, mà không có ý kiến chấp thuận của cơ quan quản lý nhiệm vụ sẽ không được tham gia tuyển chọn, xét giao trực tiếp trong thời hạn một (01) năm kể từ ngày kết thúc hợp đồng.

c) Tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sai phạm dẫn đến bị đình chỉ thực hiện nhiệm vụ hoặc sau khi kết thúc mà không triển khai ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ vào sản xuất, đời sống theo hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ và yêu cầu của bên đặt hàng, không được đăng ký tham gia đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp trong thời gian ba (03) năm, tính từ thời điểm có kết luận của cơ quan có thẩm quyền.

d) Không thực hiện nghĩa vụ đăng ký, nộp lưu giữ các kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước; không báo cáo ứng dụng kết quả của nhiệm vụ theo quy định sẽ không được đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp trong thời gian hai (02) năm.

2. Đối với cá nhân đăng ký làm chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ phải đáp ứng đồng thời các yêu cầu:

a) Có trình độ đại học trở lên.

b) Có chuyên môn hoặc vị trí công tác phù hợp và đang hoạt động trong cùng lĩnh vực khoa học với nhiệm vụ.

c) Là người chủ trì hoặc tham gia chính xây dựng thuyết minh nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

d) Có đủ khả năng trực tiếp tổ chức thực hiện và bảo đảm đủ thời gian để chủ trì thực hiện công việc nghiên cứu của nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

3. Cá nhân thuộc một trong các trường hợp sau đây không đủ điều kiện tham gia đăng ký tuyển chọn, xét giao trực tiếp làm chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ:

a) Đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ vẫn đang làm chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh khác.

b) Cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ nộp hồ sơ đánh giá nghiệm thu các nhiệm vụ khoa học và công nghệ khác do tỉnh quản lý chậm theo quy định hiện hành từ 30 đến 180 ngày, mà không có ý kiến chấp thuận của cơ quan quản lý nhiệm vụ sẽ không được tham gia đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp trong thời gian hai (02) năm.

c) Cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ được đánh giá nghiệm thu ở mức "không đạt", mà không được cơ quan quản lý nhiệm vụ gia hạn thời gian thực hiện để hoàn chỉnh kết quả hoặc được gia hạn nhưng hết thời hạn cho phép vẫn chưa hoàn thành kết quả sẽ không được tham gia đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp trong thời hạn ba (03) năm kể từ thời điểm có kết luận của hội đồng đánh giá nghiệm thu cấp tỉnh.

d) Cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp có sai phạm dẫn đến bị đình chỉ thực hiện và truy cứu trách nhiệm hình sự sẽ không được tham gia đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp trong thời hạn năm (05) năm kể từ ngày có quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 13. Thủ tục, hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp gồm một (01) bộ hồ sơ gốc (có dấu và chữ ký trực tiếp) và 12 bản sao; trình bày và in trên khổ giấy A4, sử dụng phông chữ tiếng Việt của bộ mã ký tự Unicode theo tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 6909:2001, cỡ chữ 14; một (01) bản điện tử của hồ sơ ghi trên đĩa quang

(dạng PDF, không đặt mật khẩu). Bộ hồ sơ và các biểu mẫu tương ứng trong Phụ lục kèm theo Quy định này gồm:

a) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ của tổ chức đăng ký chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

b) Đơn đăng ký chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (biểu mẫu *BM-02-01-07)*.

c) Thuyết minh đề tài (Biểu mẫu *BM-02-01-08* hoặc *BM-02-01-09*); thuyết minh dự án (Biểu mẫu *BM-02-01-10*); thuyết minh đề án (Biểu mẫu *BM-02-01-11*).

d) Tóm tắt hoạt động khoa học và công nghệ của tổ chức đăng ký chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ (Biểu mẫu *BM-02-01-12*) và gửi kèm theo kết quả đánh giá hoạt động hàng năm của tổ chức khoa học và công nghệ (nếu có).

đ) Lý lịch khoa học của cá nhân đăng ký chủ nhiệm và các cá nhân đăng ký thực hiện chính nhiệm vụ khoa học và công nghệ có xác nhận của cơ quan quản lý nhân sự (Biểu mẫu *BM-02-01-13*).

e) Văn bản xác nhận về sự đồng ý của các tổ chức đăng ký phối hợp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (nếu có), (Biểu mẫu *BM-02-01-14*).

f) Văn bản chứng minh năng lực về nhân lực khoa học và công nghệ, trang thiết bị của đơn vị phối hợp và khả năng huy động vốn từ nguồn khác để thực hiện (trường hợp có đơn vị phối hợp, huy động vốn từ nguồn khác).

g) Báo giá thiết bị, nguyên vật liệu chính cần mua sắm để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

2. Hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp được nộp trực tiếp hoặc gửi qua bưu điện đến địa chỉ theo thông báo của Sở Khoa học và Công nghệ. Ngày chứng thực nhận hồ sơ là ngày ghi ở dấu của bưu điện (trường hợp gửi qua bưu điện) hoặc dấu đến của Sở Khoa học và Công nghệ (trường hợp nộp trực tiếp). Hồ sơ phải được đóng gói trong túi hồ sơ có niêm phong và bên ngoài ghi rõ:

a) Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

b) Tên, địa chỉ của tổ chức đăng ký chủ trì và tổ chức tham gia phối hợp thực hiện (chỉ ghi danh sách tổ chức đã có xác nhận tham gia phối hợp).

c) Họ tên của cá nhân đăng ký chủ nhiệm và danh sách cá nhân tham gia chính thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

d) Danh mục tài liệu có trong hồ sơ.

3. Trong thời hạn quy định nộp hồ sơ, tổ chức và cá nhân đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp có quyền rút hồ sơ đã nộp để thay bằng hồ sơ mới hoặc bổ sung hồ sơ đã nộp. Việc thay hồ sơ mới và bổ sung hồ sơ phải hoàn tất trước thời hạn nộp hồ sơ theo quy định; văn bản bổ sung là bộ phận cấu thành của hồ sơ.

4. Kết thúc thời hạn nhận hồ sơ đăng ký tuyển chọn, Sở Khoa học và Công nghệ tiến hành mở, kiểm tra và xác nhận tính hợp lệ của hồ sơ với sự tham dự của

đại diện các cơ quan liên quan (nếu cần), đại diện tổ chức, cá nhân đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp. Kết quả mở hồ sơ được ghi thành biên bản theo biểu mẫu *BM-02-01-15* trong Phụ lục kèm theo Quy định này.

Điều 14. Tổ chức tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm gửi Hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp và các biểu mẫu nhận xét tới tất cả thành viên Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tối thiểu là năm (05) ngày trước phiên họp đánh giá hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp

2. Hội đồng nhận xét, đánh giá từng hồ sơ và so sánh giữa các hồ sơ đăng ký cùng một (01) nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo các tiêu chí và thang điểm sau:

a) Đề tài nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ (biểu mẫu *BM-02-01-16, BM-02-01-17* trong Phụ lục kèm theo Quy định này):

- Đánh giá tổng quan (điểm tối đa 8);

- Nội dung, phương pháp nghiên cứu và kỹ thuật sử dụng (điểm tối đa 24);

- Sản phẩm khoa học và công nghệ (điểm tối đa 16);

- Khả năng ứng dụng các sản phẩm và phương án tổ chức để triển khai ứng dụng sản phẩm (điểm tối đa 16);

- Tính khả thi của phương án tổ chức thực hiện (điểm tối đa 16);

- Năng lực của tổ chức và các cá nhân tham gia (điểm tối đa 20).

b) Đề tài nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn (biểu mẫu *BM-02-01-18, BM-02-01-19* trong Phụ lục kèm theo Quy định này):

- Mục tiêu nghiên cứu (điểm tối đa 4);

- Tổng quan tình hình nghiên cứu (điểm tối đa 16);

- Nội dung, phương án tổ chức thực hiện (điểm tối đa 24);

- Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu (điểm tối đa 12);

- Sản phẩm, lợi ích của đề tài và phương án chuyển giao kết quả nghiên cứu (điểm tối đa 24);

- Năng lực và kinh nghiệm của tổ chức, cá nhân thực hiện (điểm tối đa 20).

c) Đề tài trong các lĩnh vực khác, tùy thuộc vào nội dung nghiên cứu áp dụng tiêu chí và thang điểm quy định tại Điểm a hoặc Điểm b, Khoản 2 của Điều này.

d) Dự án sản xuất thử nghiệm (biểu mẫu *BM-02-01-20, BM-02-01-21* trong Phụ lục kèm theo Quy định này):

- Đánh giá chung (điểm tối đa 8);

- Mục tiêu, nội dung và phương án triển khai (điểm tối đa 24);

- Giá trị của công nghệ (điểm tối đa 16);

- Lợi ích của dự án (điểm tối đa 16);

- Phương án tài chính (điểm tối đa 20);

- Năng lực thực hiện (điểm tối đa 16).

đ) Đề án khoa học (biểu mẫu *BM-02-01-22, BM-02-01-23* trong Phụ lục kèm theo Quy định này)

- Mục tiêu nghiên cứu của đề án (điểm tối đa 4);

- Đánh giá tổng quan (điểm tối đa 16);

- Nội dung thực hiện (điểm tối đa 24);

- Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu (điểm tối đa 12);

- Sản phẩm của đề án (điểm tối đa 24);

- Năng lực và kinh nghiệm của tổ chức, cá nhân thực hiện (điểm tối đa 20).

3. Hội đồng phân công kiểm phiếu và tổng hợp kết quả bỏ phiếu đánh giá theo biểu mẫu *BM-02-01-24, BM-02-01-25* trong Phụ lục kèm theo Quy định này. Tổ chức, cá nhân được hội đồng đề nghị trúng tuyển là tổ chức, cá nhân có hồ sơ được xếp hạng với tổng số điểm trung bình của các tiêu chí cao nhất và phải đạt từ 70/100 điểm trở lên. Trong đó không có tiêu chí nào có quá 1/3 số thành viên hội đồng có mặt cho điểm không (0 điểm);

Đối với các hồ sơ có tổng số điểm trung bình bằng nhau thì điểm cao hơn của Chủ tịch Hội đồng (hoặc điểm cao hơn của Phó chủ tịch Hội đồng được ủy quyền trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng vắng mặt) được ưu tiên để xếp hạng.

4. Hội đồng thảo luận để thống nhất kiến nghị:

a) Những điểm cần bổ sung, sửa đổi trong thuyết minh nhiệm vụ khoa học và công nghệ, các sản phẩm khoa học và công nghệ chính với những chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật tương ứng phải đạt.

b) Số lượng chuyên gia trong và ngoài nước cần thiết để tham gia thực hiện.

c) Phương thức khoán chi đến sản phẩm cuối cùng hoặc khoán chi từng phần.

d) Lưu ý những điểm cần chỉnh sửa để hoàn thiện hồ sơ của tổ chức và cá nhân được hội đồng đề nghị trúng tuyển hoặc giao trực tiếp.

5. Kết quả làm việc của Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được lập thành biên bản.

Điều 15. Tổ chức thẩm định kinh phí

1. Tổ chức, cá nhân trúng tuyển chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ gửi 08 (tám) bộ hồ sơ để phục vụ thẩm định kinh phí về Sở Khoa học và Công nghệ. Hồ sơ gồm:

a) Bản giải trình của chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ các nội dung đã chỉnh sửa kèm theo thuyết minh và dự toán chi tiết.

b) Biên bản kết luận của hội đồng tuyển chọn, giao trực tiếp.

c) Các tài liệu khác có liên quan.

2. Tổ thẩm định tiến hành các nội dung sau:

a) Thẩm định sự phù hợp của các nội dung nghiên cứu với kết luận của hội đồng, dự toán kinh phí của nhiệm vụ khoa học và công nghệ với chế độ quy định, định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi tiêu hiện hành của nhà nước do các cơ quan có thẩm quyền ban hành để xác định: Chi phí công cho các thành viên thực hiện; chi phí thuê chuyên gia trong/ngoài nước; kinh phí hỗ trợ mua nguyên vật liệu, thiết bị và các khoản chi khác cũng như thời gian cần thiết để thực hiện, theo biểu mẫu *BM-02-01-26* (đối với đề tài/đề án), *BM-02-01-27* (đối với dự án Sản xuất thử nghiệm) trong Phụ lục kèm theo Quy định này.

b) Tổ thẩm định thảo luận chung để kiến nghị tổng mức kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (bao gồm kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước và các nguồn khác), thời gian thực hiện và phương thức khoán chi đến sản phẩm cuối cùng hoặc khoán chi từng phần. Kết quả làm việc của Tổ thẩm định được lập thành biên bản theo biểu mẫu *BM-02-01-28* (đối với đề tài/đề án), *BM-02-01-29* (đối với dự án Sản xuất thử nghiệm) trong Phụ lục kèm theo Quy định này.

3. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm báo cáo (bằng văn bản) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và đề xuất phương án xử lý những vấn đề vượt quá thẩm quyền giải quyết phát sinh trong quá trình thẩm định nhiệm vụ khoa học và công nghệ để Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định khi:

a) Có sự thay đổi lớn về mục tiêu, nội dung của nhiệm vụ khoa học và công nghệ so với quyết định được phê duyệt hoặc kết luận của Hội đồng tuyển chọn, giao trực tiếp.

b) Bất đồng ý kiến giữa Tổ thẩm định và chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ về mục tiêu, nội dung, kinh phí, thời gian và phương thức thực hiện. Trong đó nêu rõ ý kiến của Tổ thẩm định và ý kiến của chủ nhiệm nhiệm vụ.

c) Có thành viên tổ thẩm định không nhất trí với kết luận chung của Tổ thẩm định và đề nghị bảo lưu ý kiến.

Điều 16. Phê duyệt tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm và kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Trên cơ sở kết luận của Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp và của Tổ thẩm định, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm tổng hợp hồ sơ và kết quả, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ký quyết định phê duyệt tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm và kinh phí, phương thức, thời gian thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có tổng mức kinh phí lớn hơn 600.000.000 đồng (sáu trăm triệu đồng).

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ phê duyệt tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm và kinh phí, phương thức, thời gian thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có tổng mức kinh phí nhỏ hơn hoặc bằng 600.000.000 đồng (sáu trăm triệu đồng).

3. Tổ chức chủ trì và cá nhân chủ nhiệm thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có trách nhiệm chỉnh sửa, hoàn thiện hồ sơ theo kết luận của Hội đồng, Tổ thẩm định và gửi Sở Khoa học và Công nghệ để tiến hành ký kết hợp đồng, làm căn cứ bố trí kế hoạch thực hiện.

Chương IV
TỔ CHỨC THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 17. Ký kết hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ ký kết các hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được phê duyệt nêu tại Khoản 1 và Khoản 2, Điều 16.

2. Mẫu Hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ và Biên bản thanh lý Hợp đồng thực hiện theo quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ.

Điều 18. Chế độ báo cáo định kỳ, báo cáo đột xuất, kiểm tra, giám sát việc thực hiện

1. Định kỳ 06 tháng hoặc theo yêu cầu đột xuất của cơ quan quản lý có thẩm quyền, tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ xây dựng báo cáo tiến độ hoặc báo cáo theo nội dung yêu cầu gửi về Sở Khoa học và Công nghệ.

2. Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất về tiến độ thực hiện, nội dung và tình hình sử dụng kinh phí của nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo hợp đồng đã ký. Nội dung, kết quả kiểm tra phải được lập thành biên bản lưu hồ sơ của nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Trường hợp, qua kiểm tra nếu phát hiện tổ chức chủ trì, chủ nhiệm triển khai thực nhiệm vụ khoa học và công nghệ không đảm bảo theo hợp đồng đã ký kết hoặc tổ chức chủ trì không thực hiện việc báo cáo tiến độ đúng quy định từ 02 lần trở lên thì sẽ bị dừng cấp kinh phí thực hiện nhiệm vụ và xử lý theo quy định.

3. Kết quả kiểm tra tình hình thực hiện nêu tại Khoản 2 Điều này là cơ sở để cơ quan có thẩm quyền cấp phát kinh phí, xem xét quyết định việc thanh quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Điều 19. Điều chỉnh hợp đồng thực hiện

1. Tổ chức chủ trì được chủ động điều chỉnh dự toán kinh phí trong tổng kinh phí được giao khoán theo quy định.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ xem xét, quyết định điều chỉnh về tổ chức chủ trì, tên, mục tiêu, nội dung, sản phẩm, thời gian thực hiện nhiệm vụ, tổng kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước đã được phê duyệt đối với các nhiệm vụ có kinh phí phát sinh tăng nhỏ hơn hoặc bằng

600.000.000 đồng (sáu trăm triệu đồng) và các nội dung khác thuộc phạm vi hợp đồng đã ký trên cơ sở văn bản đề xuất của tổ chức chủ trì nhiệm vụ.

3. Trong trường hợp cần thiết, Sở Khoa học và Công nghệ lấy ý kiến của cơ quan đề xuất đặt hàng trước khi quyết định điều chỉnh.

Điều 20. Dừng thực hiện nhiệm vụ

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ xem xét, quyết định dừng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước, trong trường hợp đã có đủ cơ sở xác định nhiệm vụ không có khả năng hoàn thành mục tiêu, kết quả sản phẩm theo như hợp đồng đã ký kết hoặc tỉnh không còn nhu cầu phải thực hiện nhiệm vụ hay tổ chức, cá nhân chủ trì không còn đủ điều kiện để tiếp tục thực hiện nhiệm vụ.

2. Trường hợp nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước bị dừng thực hiện thì Sở Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm kiểm tra, xác định nguyên nhân dẫn đến việc dừng thực hiện hoặc đánh giá không đạt yêu cầu, ra quyết định xử lý. Nếu xác định nguyên nhân chính là do yếu tố khách quan thì không phải hoàn trả kinh phí ngân sách nhà nước đã sử dụng. Nếu xác định nguyên nhân chính là do yếu tố chủ quan thì Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ xác định và quyết định số kinh phí phải hoàn trả ngân sách nhà nước theo các mức cụ thể sau:

a) Nhiệm vụ khoa học và công nghệ khoán chi đến sản phẩm cuối cùng: Tổng mức hoàn trả tối thiểu 40% kinh phí ngân sách nhà nước đã sử dụng.

b) Nhiệm vụ khoa học và công nghệ khoán chi từng phần: Tổng mức hoàn trả tối thiểu 30% kinh phí ngân sách nhà nước đã sử dụng.

Chương V
ĐÁNH GIÁ, NGHIỆM THU KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 21. Tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

1. Tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ (sau đây gọi là Tổ chức chủ trì) có trách nhiệm tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ theo các nội dung, tiêu chí, mức đánh giá quy định tại các Khoản 2, 3 và 4, Điều 23 Quy định này trước khi nộp hồ sơ đánh giá, nghiệm thu cho đơn vị quản lý nhiệm vụ.

2. Kết quả tự đánh giá được tổng hợp và báo cáo theo biểu mẫu *BM-02-01-30* trong Phụ lục kèm theo Quy định này.

Điều 22. Nộp hồ sơ đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ

1. Hồ sơ đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ gồm: 01 bộ hồ sơ gốc (có dấu và chữ ký trực tiếp), 12 bản sao và 01 bản điện tử (dạng PDF, không cài bảo mật). Bộ hồ sơ bao gồm:

a) Công văn đề nghị đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ.

b) Báo cáo tổng hợp và báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện nhiệm vụ.

c) Báo cáo về sản phẩm khoa học và công nghệ của nhiệm vụ.

d) Bản sao hợp đồng và thuyết minh nhiệm vụ.

đ) Các văn bản xác nhận và tài liệu liên quan đến việc công bố, xuất bản, đào tạo, tiếp nhận và sử dụng kết quả nghiên cứu (nếu có).

e) Các số liệu (điều tra, khảo sát, phân tích...), sổ nhật ký của nhiệm vụ (nếu có).

f) Báo cáo tình hình sử dụng kinh phí của nhiệm vụ.

g) Báo cáo tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.

h) Các tài liệu khác (nếu có).

2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ thời điểm kết thúc hợp đồng hoặc thời điểm được gia hạn hợp đồng, Tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Sở Khoa học và Công nghệ.

3. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ theo biểu mẫu *BM-02-01-31* trong Phụ lục kèm theo Quy định này, kiểm tra tính hợp lệ, đầy đủ của hồ sơ và trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, thông báo cho Tổ chức chủ trì bổ sung, hoàn thiện trong trường hợp hồ sơ chưa đúng theo quy định. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ theo quy định thì Tổ chức chủ trì phải bổ sung trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của Sở Khoa học và Công nghệ.

Điều 23. Kiểm tra, thẩm định các sản phẩm của nhiệm vụ

1. Trong trường hợp nhiệm vụ có sản phẩm đo kiểm được, nếu xét thấy cần thiết Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ thành lập Tổ chuyên gia tư vấn đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ để kiểm tra, thẩm định độ tin cậy, nhận định tính xác thực các sản phẩm của nhiệm vụ theo biểu mẫu BM-02-01-32 trong Phụ lục kèm theo Quy định này.

2. Kết quả kiểm tra, thẩm định sẽ được Tổ trưởng tổ chuyên gia báo cáo với Hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ theo biểu mẫu BM-02-01-33 trong Phụ lục kèm theo Quy định này.

Điều 24. Tổ chức đánh giá, nghiệm thu

1. Sở Khoa học và Công nghệ gửi hồ sơ đánh giá nghiệm thu đến các thành viên Hội đồng đánh giá, nghiệm thu trước phiên họp ít nhất 07 ngày làm việc.

2. Từng thành viên Hội đồng nhận xét theo các biểu mẫu *BM-02-01-34, BM-02-01-35*, đánh giá theo biểu mẫu *BM-02-01-36* trong Phụ lục kèm theo Quy định này, cụ thể như sau:

a) Đánh giá về báo cáo tổng hợp: Đánh giá tính đầy đủ, rõ ràng, xác thực và lô-gíc của báo cáo tổng hợp (phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng...) và tài liệu cần thiết kèm theo (các tài liệu thiết kế, tài liệu công nghệ, sản phẩm trung

gian, tài liệu được trích dẫn) theo 03 mức sau: "Xuất sắc" khi báo cáo tổng hợp đã hoàn thiện, đáp ứng yêu cầu; "Đạt" khi báo cáo tổng hợp cần chỉnh sửa, bổ sung và có thể hoàn thiện; "Không đạt" khi không thuộc hai trường hợp trên.

b) Đánh giá về sản phẩm của nhiệm vụ so với đặt hàng bao gồm: Số lượng, khối lượng sản phẩm; chất lượng sản phẩm; chủng loại sản phẩm; tính năng, thông số kỹ thuật của sản phẩm theo 03 mức sau: "Xuất sắc" khi vượt mức so với đặt hàng; "Đạt" khi đáp ứng đúng, đủ yêu cầu theo đặt hàng; "Không đạt" không đáp ứng đúng, đủ yêu cầu theo đặt hàng.

c) Đánh giá chung nhiệm vụ theo 03 mức sau:

- "Xuất sắc" khi tất cả tiêu chí về sản phẩm đều đạt mức 'Xuất sắc" và Báo cáo tổng hợp đạt mức "Đạt" trở lên;

- "Đạt" khi đáp ứng đồng thời các yêu cầu: Tất cả các tiêu chí về chất lượng, chủng loại sản phẩm ở mức "Đạt" trở lên; ít nhất 3/4 tiêu chí về khối lượng, số lượng sản phẩm ở mức "Đạt" trở lên (những sản phẩm không đạt về khối lượng, số lượng thì vẫn phải đảm bảo đạt ít nhất 3/4 so với đặt hàng), Báo cáo tổng hợp đạt mức "Đạt" trở lên;

- "Không đạt" khi không thuộc hai trường hợp trên hoặc nộp hồ sơ chậm quá 06 tháng kể từ thời điểm kết thúc hợp đồng hoặc thời điểm được gia hạn (nếu có).

3. Hội đồng phân công tổ chức kiểm phiếu, tổng hợp kết quả đánh giá theo biểu mẫu *BM-02-01-37* trong Phụ lục kèm theo Quy định này. Kết quả đánh giá, xếp loại chung của Hội đồng theo các mức dưới đây:

a) Mức "Xuất sắc" nếu nhiệm vụ có ít nhất 3/4 số thành viên Hội đồng có mặt nhất trí đánh giá mức "Xuất sắc" và không có thành viên đánh giá ở mức "Không đạt";

b) Mức "Không đạt" nếu nhiệm vụ có nhiều hơn 1/3 số thành viên Hội đồng có mặt đánh giá mức không đạt. Trong trường hợp này, Hội đồng phải xác định nguyên nhân chính của việc đánh giá "Không đạt" là do yếu tố chủ quan hay khách quan của Tổ chức chủ trì và Cá nhân chủ nhiệm.

c) Mức "Đạt" nếu nhiệm vụ không thuộc Điểm a và Điểm b của Khoản này.

4. Kết quả làm việc của Hội đồng phải được lập thành biên bản.

Điều 25. Xử lý kết quả đánh giá, nghiệm thu

1. Đối với nhiệm vụ được Hội đồng đánh giá ở mức "Đạt" trở lên, trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ khi có kết quả đánh giá, chủ nhiệm nhiệm vụ có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ theo ý kiến kết luận của hội đồng.

Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp với Chủ tịch Hội đồng kiểm tra, giám sát việc hoàn thiện hồ sơ đánh giá của nhiệm vụ. Chủ tịch Hội đồng xác nhận về việc hoàn thiện hồ sơ của chủ nhiệm nhiệm vụ.

2. Đối với nhiệm vụ xếp loại ở mức "Không đạt", được Hội đồng tư vấn nghiệm thu xác định nguyên nhân chính là do yếu tố khách quan thì không phải hoàn trả kinh

phí ngân sách nhà nước đã sử dụng. Trong trường hợp nhiệm vụ xếp loại ở mức "Không đạt" được Hội đồng tư vấn nghiệm thu xác định nguyên nhân chính là do yếu tố chủ quan thì Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Hội đồng tư vấn nghiệm thu xác định và quyết định số kinh phí phải hoàn trả ngân sách nhà nước theo các mức cụ thể sau:

a) Nhiệm vụ khoa học và công nghệ khoán chi đến sản phẩm cuối cùng: Tổng mức hoàn trả tối thiểu 40% kinh phí ngân sách nhà nước đã sử dụng.

b) Nhiệm vụ khoa học và công nghệ khoán chi từng phần: Tổng mức hoàn trả tối thiểu 30% kinh phí ngân sách nhà nước đã sử dụng.

3. Nhiệm vụ được quyết toán và thanh lý hợp đồng sau khi các sản phẩm của nhiệm vụ và tài sản đã mua sắm bằng ngân sách nhà nước được kiểm kê và bàn giao theo quy định hiện hành.

Chương VI
ĐĂNG KÝ, LƯU GIỮ VÀ CÔNG NHẬN KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 26. Đăng ký và lưu giữ kết quả thực hiện nhiệm vụ

Tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm thực hiện việc đăng ký và lưu giữ kết quả nhiệm vụ theo quy định của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn thi hành của các Bộ, ngành hữu quan, nộp bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ về Sở Khoa học và Công nghệ.

Điều 27. Công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ

1. Hồ sơ công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ bao gồm:

a) Biên bản họp hội đồng đánh giá, nghiệm thu.

b) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ.

c) Báo cáo về việc hoàn thiện Hồ sơ đánh giá, nghiệm thu theo biểu mẫu *BM-02-01-38* trong Phụ lục kèm theo Quy định này.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ xem xét, ban hành quyết định công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ sau 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ hợp lệ.

Chương VII
TRÁCH NHIỆM, QUYỀN HẠN CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

Điều 28. Trách nhiệm, quyền hạn của các cơ quan quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Trách nhiệm, quyền hạn của Sở Khoa học và Công nghệ

a) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức xác định danh mục; tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì; đánh giá, nghiệm thu, công nhận kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ của tỉnh.

b) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan, xem xét, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ (theo phân cấp, ủy quyền tại quy định này) phê duyệt danh mục nhiệm vụ; tổ chức, cá nhân chủ trì; kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

c) Tổng hợp và cân đối kinh phí thực hiện các nhiệm vụ để bố trí vào kế hoạch ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ hàng năm.

d) Ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ với Tổ chức chủ trì, điều chỉnh hợp đồng, thanh lý hợp đồng.

đ) Chủ trì kiểm tra, thanh tra; thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

2. Trách nhiệm, quyền hạn của Sở Tài chính: Phối hợp tổ chức thẩm định kinh phí nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo các trình tự, thủ tục tại Quy định này.

Điều 29. Trách nhiệm, quyền hạn của cơ quan đề xuất đặt hàng

1. Đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ với Sở Khoa học và Công nghệ.

2. Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ trong việc xác định nhiệm vụ, tuyển chọn, xét giao trực tiếp, đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ.

3. Cử đại diện tham gia các cuộc họp Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ, Hội đồng tuyển chọn, xét giao trực tiếp và Hội đồng đánh giá, nghiệm thu các nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc lĩnh vực hoặc địa bàn quản lý theo yêu cầu của Sở Khoa học và Công nghệ.

4. Phối hợp kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực hoặc địa bàn quản lý.

5. Tổ chức tiếp nhận và chịu trách nhiệm ứng dụng các kết quả nghiên cứu của nhiệm vụ khoa học và công nghệ do Sở, ngành, địa phương mình đã đề xuất đặt hàng. Định kỳ hằng năm tổng hợp, báo cáo kết quả ứng dụng về Sở Khoa học và Công nghệ.

Điều 30. Trách nhiệm, quyền hạn của tổ chức chủ trì

1. Chịu trách nhiệm về nội dung thuyết minh và dự toán kinh phí của nhiệm vụ nhằm đáp ứng được mục tiêu, tạo ra được sản phẩm theo quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền.

2. Lựa chọn cá nhân thuộc Tổ chức chủ trì có đủ trình độ chuyên môn và năng lực tổ chức thực hiện để làm chủ nhiệm nhiệm vụ. Trường hợp thay đổi chủ nhiệm nhiệm vụ thì cá nhân được lựa chọn phải đáp ứng các tiêu chí của chủ nhiệm nhiệm vụ tại Quy định này.

3. Ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ với Sở Khoa học và Công nghệ; ký hợp đồng giao việc, hợp đồng thuê khoán chuyên môn với chủ nhiệm nhiệm vụ và các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện các nội dung của nhiệm vụ.

4. Thực hiện đầy đủ các cam kết trong hợp đồng về trách nhiệm của bên nhận đặt hàng với Sở Khoa học và Công nghệ và trách nhiệm của bên đặt hàng với chủ nhiệm nhiệm vụ và các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện nhiệm vụ.

5. Đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất (trang thiết bị, nhà xưởng, phương tiện), nhân lực, huy động đủ các nguồn tài chính hợp pháp ngoài ngân sách nhà nước (nếu có) và các điều kiện khác để đảm bảo thực hiện nhiệm vụ theo hợp đồng đã ký.

6. Sử dụng có hiệu quả kinh phí được cấp để thực hiện nhiệm vụ theo hợp đồng đã ký với Sở Khoa học và Công nghệ; cấp đủ và đúng tiến độ kinh phí từ các nguồn kinh phí đã cam kết trong hợp đồng cho chủ nhiệm nhiệm vụ và các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện các nội dung của nhiệm vụ; thực hiện thủ tục thanh quyết toán kinh phí theo quy định hiện hành.

7. Thực hiện chế độ báo cáo với Sở Khoa học và Công nghệ và Bộ, ngành, địa phương chủ quản theo quy định. Tạo điều kiện thuận lợi và cung cấp đầy đủ thông tin cho các cơ quan quản lý, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện nhiệm vụ. Kiến nghị các điều chỉnh khi cần để thực hiện được mục tiêu, nội dung, sản phẩm của nhiệm vụ.

8. Tổ chức đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ từ kết quả của nhiệm vụ cho các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.

9. Thực hiện việc công bố, giao nộp kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định hiện hành.

10. Tổ chức quản lý, khai thác, chuyển giao các kết quả của nhiệm vụ, được hưởng các quyền lợi và chịu trách nhiệm phân phối các lợi ích từ các hoạt động trên theo quy định của pháp luật.

11. Kết quả của các nhiệm vụ khoa học và công nghệ do Tổ chức chủ trì thực hiện tại tỉnh được ghi nhận, làm căn cứ để xem xét khen thưởng và được giao thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ khác của tỉnh.

Điều 31. Trách nhiệm, quyền hạn của chủ nhiệm nhiệm vụ

1. Xây dựng và hoàn thiện thuyết minh của nhiệm vụ đáp ứng được mục tiêu, tạo ra được sản phẩm theo quyết định phê duyệt của của cấp có thẩm quyền.

2. Ký hợp đồng với Tổ chức chủ trì nhiệm vụ.

3. Tổ chức thực hiện nhiệm vụ và chịu trách nhiệm về tính trung thực, giá trị khoa học, kết quả và hiệu quả thực hiện nhiệm vụ theo hợp đồng đã ký; chịu trách nhiệm đề xuất với Tổ chức chủ trì về phương án ứng dụng kết quả hoặc thương mại hoá sản phẩm từ kết quả của nhiệm vụ.

4. Được bảo đảm các điều kiện để thực hiện nhiệm vụ theo cam kết trong hợp đồng với Tổ chức chủ trì và đề xuất, kiến nghị các điều chỉnh khi cần thiết.

5. Phối hợp với Tổ chức chủ trì đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật.

6. Kiểm tra, đôn đốc các tổ chức, cá nhân tham gia phối hợp trong việc thực hiện nhiệm vụ theo hợp đồng. Thực hiện báo cáo định kỳ, báo cáo đột xuất về tiến độ triển khai, sử dụng kinh phí và báo cáo kết quả thực hiện của nhiệm vụ với Tổ chức chủ trì. Chủ trì xây dựng báo cáo tổng kết khoa học và công nghệ và các tài liệu khác theo hợp đồng đã ký với Tổ chức chủ trì.

Chương VIII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 32. Tổ chức thực hiện

1. Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức hướng dẫn, đôn đốc kiểm tra việc thực hiện Quy định này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Bùi Nhật Quang